TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2021/HNGĐ-ST
Ngày 05 – 5 – 2021
Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông Võ Sĩ Hùng.
- Bà Trương Ánh Hoa.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Cúc, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc "xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết N (M), sinh năm 1981 (có mặt).

Bị đơn: Anh Trần Văn Q, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 22/02/2021 và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn Q chung sống vợ chồng vào ngày 21/12/1998, không đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức làm đám cưới. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Q không quan tâm vợ con, rượu chè cờ bạc nhiều lần chị khuyên ngăn nhưng anh không sửa đổi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục sống chung nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị xác định có 01 con chung tên Trần Phúc L, sinh ngày 01/01/1999, hiện cháu đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị khai không nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

- Đối với anh Trần Văn Q, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần đến phiên tòa để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án nhưng anh Q vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Q theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Trần Văn Q và chị Nguyễn Thị Tuyết N chung sống vợ chồng vào ngày 21/12/1998, không đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Quá trình chung sống theo chị N trình bày, thời gian đầu có hạnh phúc sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Q không quan tâm vợ con, rượu chè cờ bạc nhiều lần chị khuyên ngăn nhưng anh không sửa đổi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục sống chung nên chị yêu cầu ly hôn. Đối với anh Q không đến Tòa án theo giấy triệu tập cũng không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, do chị N anh Q không đăng ký kết hôn theo quy định nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N xác định có 01 con chung tên Trần Phúc L, sinh ngày 01/01/1999, hiện cháu đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét;

[5] Về nợ chung: Chị N khai vợ, chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng nên không đặt ra giải quyết.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Trần Văn Q là vợ chồng.

- Về con chung: Chị N xác định có 01 con chung tên Trần Phúc L, sinh ngày 01/01/1999, hiện cháu đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Chị N khai không có.

- Về nợ chung: Chị N khai không nợ ai và không ai nợ lại.

- Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu 300.000đ. Ngày 22 tháng 02 năm 2021, chị N đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0000625 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lê Thị Thu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.